

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

⚡ Công bố tại:

- Trang điện tử của CTCP dược Medipharco theo địa chỉ:
<http://www.medipharco.com.vn>
- Trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước:
<http://w.w.w.congbothongtin@ssc.gov.vn>

⚡ Báo cáo trong Hồ sơ công bố thông tin gửi đến:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thành phố Huế, ngày 19/03/2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006*
- Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**
- *Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN*
- Địa chỉ: *Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế.*
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- FAX : (84) 0234.3826077
- E-mail : mediphar@dng.vnn.vn
- Website www.medipharco.com/ www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có: MTP)

a. Quá trình hình thành và phát triển.

- ✚ **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tinh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.



Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM — Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

⚡ **Các sự kiện khác:** Trong năm 2020:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT (gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát (Gồm 3 thành viên) nhiệm kì 4 (2020-2025)
- Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :
 - + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
 - ✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:
 - ✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Thành viên HĐQT
 - ✓ Ông Nguyễn Văn hoàng- Thành viên HĐQT
 - + Thay đổi Tổng giám đốc:
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - + Thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết:

| TT | Nội dung | Trước khi thay đổi | Thay đổi | Sau khi thay đổi |
|----|---|--------------------|-----------|------------------|
| 4 | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành | 3.997.967 | 2.600.000 | 6.597.967 |

- Bộ y tế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho CTCP dược Medipharco theo QĐ số 4090/QĐ- BYT ngày 24/09/2020 do thay đổi người quản lí chuyên môn- Phạm vi Sản xuất thuốc
- Sở y tế TT Huế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện Sản xuất Mỹ phẩm cho Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú bài

- Sở Công thương TT Huế cấp „ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” cho dây chuyền sản xuất Rượu tại Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú Bài
- Giấy chứng nhận ISO 9001-2015 ngày 22/06/2020 cho 02 cơ sở sản xuất Gel rửa tay khô

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy đăng kí kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 26/05/2014 cho đến hiện tại như sau:

| TT | Ngành nghề | Mã ngành |
|----|---|----------|
| 1 | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế | 2100 |
| 2 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm | 2023 |
| 3 | Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng | 2825 |
| 4 | Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng | 5630 |
| 5 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế | 4669 |
| 6 | Đầu tư tài chính | 6499 |
| 7 | Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận | 7320 |
| 8 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 9 | Kinh doanh, Sản xuất, Xuất nhập khẩu các sản phẩm mục 1,2,3,4 | |
| 9 | Dịch vụ Bảo quản thuốc chữa bệnh | 8299 |

014/
GT
ND
HAI
UAT

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

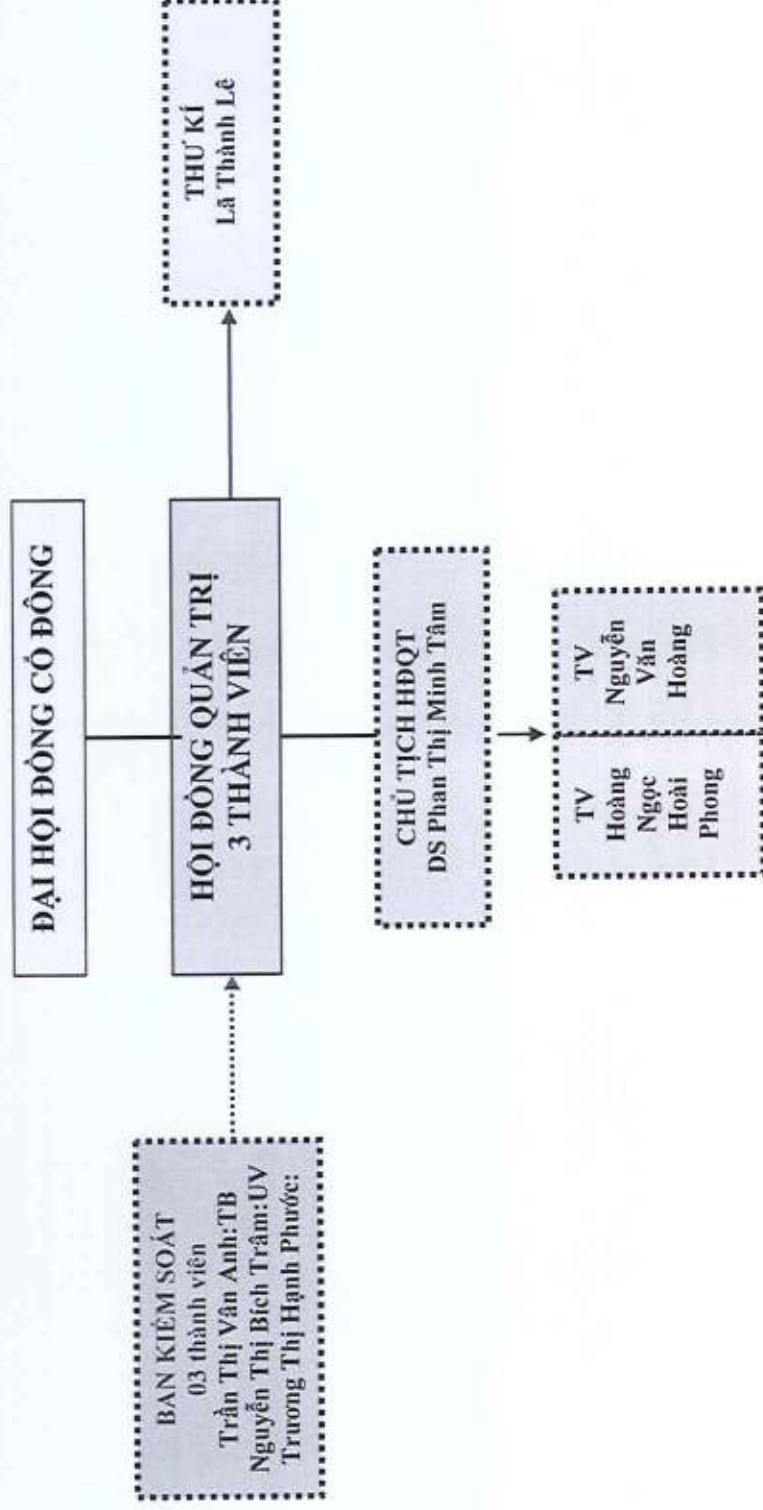
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

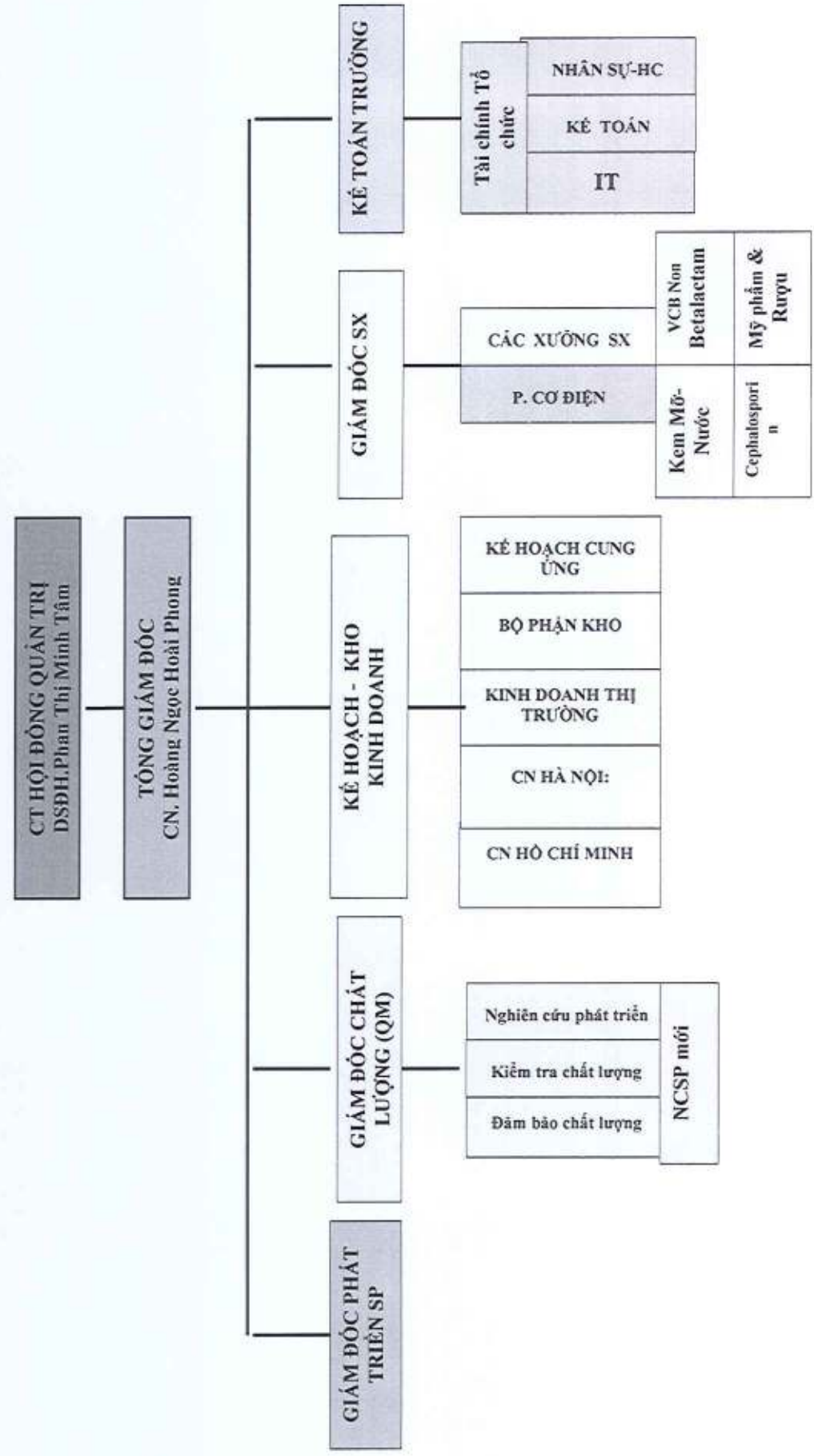
Từ tháng 18/05/2020 _ Thuộc Nhiệm kì 4 (2020-2025) _ thay đổi như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ- BAN KIỂM SOÁT- THƯ KÍ:

⚡ 3 người: 1 Chủ tịch + 2 Ủy viên ; Trong đó 1 TV ngoài DN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỪ T5/2020 (Nhiệm kì IV: 2020-2025)



✦ **Mô hình quản trị:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

✦ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài sản xuất Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP và Sản xuất Mỹ phẩm

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

4. Định hướng phát triển theo Nhiệm kỳ lần thứ 4 (2020-2025):

- Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- Mở rộng Hợp tác đối tác mới** có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm - Danh mục hàng sản xuất... để hợp tác đầu tư vào Medipharco nhằm mục tiêu thay đổi SX toàn diện của Medipharco từ nhân sự - tổ chức SX- quản lí hạch toán- Thiết bị- Công suất dây chuyền- Cung ứng NPL
- Quản trị Nhân sự:** Thay thế bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của DN và các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT sau khi bầu HĐQT nhiệm kỳ 4(2020-2025)
- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm; Bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất tương tự đủ sức cạnh tranh như các nhà SX khác trên thị trường
- Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn;
- Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- g) Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...
- h) Nghiên cứu Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới
- i) Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- j) Tiếp tục hợp tác có hiệu quả với đối tác chiến lược về nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và phân phối

5. Các rủi ro:

- ⚡ Các thay đổi về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế; Quy định về Bảo hiểm y tế sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận
- ⚡ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ⚡ Rủi ro do dịch bệnh COVIT theo diễn biến bất lợi tại cộng đồng dẫn đến khan hiếm và tăng giá đột biến nguồn Nguyên liệu- Tá dược- Bao bì ... phá nhập khẩu từ nước ngoài...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Trong năm 2020- năm đầu tiên của nhiệm kì HĐQT lần thứ 4 (2020-2025) ,

Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn do tác động tiêu cực của đại dịch COV trên toàn cầu
- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược mới, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh; công nợ kéo dài của hệ thống khám chữa bệnh; chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Nhóm hàng sản xuất của MPC vẫn chưa cải thiện được triệt để tình trạng không có khả năng cạnh tranh, giá trị thấp do nhiều bất cập trong đăng kí thuốc mới, nhiều sản phẩm đang chờ đợi duy trì hoặc gia hạn số đăng ký nên lúng túng trong sản xuất và phân phối.

b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Bộ máy tổ chức đã được cơ cấu lại theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kì 4 (2020-2025) ;Thay thế bổ sung nhân lực trẻ Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác , sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh ; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – Đặc biệt là tăng trưởng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN

Tuy nhiên, các khó khăn tồn tại khách quan trong năm 2020 cũng như nhiều năm qua vẫn làm ảnh hưởng đến hiệu quả cuối cùng của doanh nghiệp!

Cụ thể:

- ❖ Doanh số bán ra năm 2020 đạt 1.012 tỷ đồng, đạt 106 % so với kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận năm 2020:
 - Trước thuế : 8,949 Tỷ ĐVN
 - Sau thuế : 7,853 Tỷ ĐVN/ Kế hoạch 8 tỷ đồng- Đạt 98%

d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) gồm 3 thành viên - Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên; Hội đồng quản trị đã bầu Chủ tịch HĐQT- Tổng giám đốc- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát đã bầu Trưởng ban và phân công nhiệm vụ các thành viên BKS
- Bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới Cán bộ quản lí chủ chốt phụ trách các Khối- Bộ phận- Đơn vị trực thuộc theo nhiệm kì HĐQT lần thứ 4
- Thay đổi Sơ đồ tổ chức Nhân sự nhiệm kì 4 (từ tháng 5/2020)
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :
 - + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
 - + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:b03 thành viên
 - + Thay đổi Tổng giám đốc (Chủ tịch HĐQT không kiêm TGĐ)
 - + Thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết đối với số cổ phiếu sau khi sáp nhập doanh nghiệp đã hết thời hạn 12 tháng
- Thay đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ.
- Thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của Bộ y tế cấp do thay đổi người quản lí chuyên môn- Phạm vi Sản xuất thuốc
- Bổ sung và có Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện Sản xuất Mỹ phẩm ,, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” cho dây chuyền sản xuất Rượu tại Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú bài



- Đăng kí và được cấp Giấy chứng nhận ISO 9001-2015 cho 02 cơ sở sản xuất Gel rửa tay khô

e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| TT | Chỉ tiêu | Đ.V tính | Thực hiện Năm 2019 | KH 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh thực hiện/KH |
|----|-----------------------------|----------|--------------------|---------|----------------|----------------------|
| | 1 | 2 | 5 | | | 6=5/4 |
| 1 | Doanh thu bán hàng | Tỷ đồng | 1.133 | 950 | 1.012 | 106% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | - | 9,654 | 10 | 8,949 | 89.5% |
| 3 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 1,985 | 2 | 1,096 | 55% |
| 4 | Chi phí thuế DN hoãn lại: | | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | - | 7,669 | 8, | 7,853 | 98% |

2. **Tổ chức và nhân sự.**

- a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

✚ Danh sách ban điều hành:

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IVCông ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | Ghi chú |
|-----|----------------------------|--|----------------------------------|
| 1 | Bà: Phan Thị Minh Tâm | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | Điều hành trực tiếp tại DN |
| 2 | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc | Điều hành trực tiếp tại DN |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Hoàng | Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành) | Không điều hành trực tiếp tại DN |

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.

- Danh sách Ban kiểm soát như sau:

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ |
|-----|------------------------|--|
| 1 | Bà Trần Thị Vân Anh | Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội |
| 2 | Nguyễn Thị Phương Trâm | Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4 |
| 3 | Trương Thị Hạnh Phước | Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4 |

✚ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:

| | |
|--|---|
| Họ và tên | Phan Thị Minh Tâm |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 07/07/1956 |
| Nơi sinh | Hải Phòng |
| Số CMTND | 191508810 ngày cấp: 22/09/2014 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Phú Vang, Thừa Thiên, Huế |
| Địa chỉ thường trú | 106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế |
| Điện thoại liên lạc cơ quan | 054 3823 768 |
| Điện thoại di động | 0913425280 |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Dược sĩ đại học - CKI |
| Trình độ lý luận | Cử nhân Chính trị |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 1978 – 1979 | Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên |
| Từ năm 1978 – 1982 | Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên |
| Từ năm 1982 – 1992 | Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế |
| Từ năm 1992 – 1998 | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế |
| Từ năm 2/1998 – 12/2005 | Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế |
| Từ năm 01/2006 – nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO |
| Chức vụ hiện nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân | 85.403 cổ phiếu |

148
 371
 10U
 IAR
 ATH

| | |
|--|--------------|
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột | 399 cổ phiếu |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |

- TVHĐQT- Tổng giám đốc:

| | |
|---|--|
| Họ và tên | Hoàng Ngọc Hoài Phong |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 16/08/1972 |
| Nơi sinh | Thừa Thiên Huế |
| Số CMTND | 191290276 |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thừa Thiên Huế |
| Địa chỉ thường trú | B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM |
| Chỗ ở hiện tại: | 34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM |
| Điện thoại liên lạc cơ quan | 0903674008 |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Trình độ lý luận | Sơ cấp |
| Quá trình công tác: | |
| 1994-2006 | Kế toán trưởng chi nhánh Tp. HCM |
| 2006-2008 | Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh |
| 2008-2010 | Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh |
| 2010-2015 | Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh |
| 2015-2018 | Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh |
| Chức vụ công tác hiện nay | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân | 553.334 cổ phiếu |
| Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo | 33.303 cổ phiếu |

| | |
|---------------------------------|-------|
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
|---------------------------------|-------|

- TVHĐQT:

| | |
|--|---|
| Họ và tên | Nguyễn Văn Hoàng |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 20/10/1974 |
| Nơi sinh | Thanh hóa |
| Số CMTND | 012402681 ngày cấp 22/04/2011 Nơi cấp : Công an Hà nội |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thanh hóa |
| Địa chỉ thường trú | Phòng 2402 nhà CT1B , chung cư Nam đô , số 609 Trương Định, Phường Thịnh liệt, Quận Hoàng mai, Hà nội |
| Điện thoại liên lạc cơ quan | 0902252729 |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Trình độ lý luận | Sơ cấp |
| Quá trình công tác: | |
| 1997 - 2009 | Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc |
| 2011 - 2015 | Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm |
| 2015 - nay | Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội , |
| 2012 - T12/2018 | Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l |
| Từ 23/4/2018- Nay | Thành viên HĐQT Medipharco |
| Chức vụ công tác hiện nay | Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân | 1.001.059 cổ phiếu |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: :

| STT | HỌ VÀ TÊN | Chức vụ | Đầu năm 2020 | | 30/12/ 2020 | |
|-----|--------------------------|------------|--------------|---------|-------------|---------|
| | | | Số CP | Tỷ lệ % | Số CP | Tỷ lệ % |
| A | <u>Hội đồng quản trị</u> | | | | | |
| 1 | Bà: Phan Thị Minh Tâm | Chủ tịch | 85.403 | 1,29 | 85.403 | 1,29 |
| 2 | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên | 553.334 | 8,39 | 553.334 | 8,39 |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Hoàng | Thành viên | 1.001.059 | 15,17 | 1.001.059 | 15,17 |
| B | <u>Ban Kiểm soát:</u> | | | | | |
| 1 | Trần Thị Vân Anh | Trưởng Ban | 1.059 | 0.016% | 1.059 | 0.016% |
| 2 | Nguyễn Phương Trâm | Thành viên | 670.772 | 10,17% | 670.772 | 10,17% |
| 3 | Trương thị Hạnh Phước | Thành viên | 0 | 0% | 0 | 0% |

- a. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Tỷ lệ sở hữu Đầu năm 2020 | Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2020 | Ghi chú |
|----|----------------------------|---------|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | Cổ đông lớn ($\geq 5\%$) | % | 57,67 | 57,67 | VSD chốt tại ngày 31/12/2020 |
| 2 | Cổ đông nhỏ ($< 5\%$) | % | 42,33 | 42,33 | |
| 3 | Cổ đông tổ chức | % | 11,13% | 10,53% | |
| 4 | Cổ đông cá nhân | % | 88,87 | 89,47% | |
| 5 | Cổ đông trong nước | | 99,92 | 99,92 | |
| 6 | Cổ đông nước ngoài | | 0,08 | 0,08 | |
| 7 | Cổ đông Nhà nước | | 0% | 0% | |
| 8 | Cổ đông khác | | | 57,67 | |

- ⚡ **Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:** Từ ngày 18/5/2020; Tổng giám đốc điều hành là ông Hoàng Ngọc Hoài Phong- Thành viên HĐQT
- ⚡ **Quyền lợi của Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc:**

| ST T | Họ tên ban Tổng Giám đốc | Chức danh | Thu nhập cá nhân (Tiền lương & Thưởng) Triệu ĐVN | Lợi ích khác (Thù lao HĐQT & Thưởng 2018) Triệu ĐVN |
|------|--------------------------|---------------|--|---|
| 1 | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Tổng Giám đốc | 428 | 43 |

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- ⚡ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**
 - Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên - Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
 - Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Thành viên HĐQT
 - Ông Nguyễn Văn Hoàng: Thành viên HĐQT
 - Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:
 - Trần Thị Vân Anh: Trưởng Ban kiểm soát
 - Bà Nguyễn Thị Phương Trâm: Thành viên
 - Bà Trương Thị Hạnh Phước: Thành viên
 - **Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng :**
 - Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - Ông Nguyễn Minh Ngọc – Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
- c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- ⚡ **Số lượng cán bộ công nhân viên lao động:**

- ⚡ **Tổng số lao động có đến 31/12/2020: 173 người**

- ❖ **Các hình thức hợp đồng hiện tại:**

- Cán bộ lãnh đạo : 03 người
- Hợp đồng không xác định thời hạn : 142 người
- Hợp đồng có thời hạn : 20 người
- Hợp đồng Khoản gọn (Nghỉ hưu ký lại HĐ) : 08 người

- ❖ Cơ cấu lao động
 - Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 110 người
 - Lao động phục vụ : 45 người
 - Lao động quản lý : 18 người
- ❖ Phân lại chất lượng lao động:
 - **Trên đại học** : 03 người
 - Trong đó:
 - Thạc sĩ : 02 người
 - DS CKI : 01 người
 - **Cán bộ có trình độ đại học** : 73 người
 - Trong đó:
 - Đại học dược : 43 người
 - Đại học khác : 30 người
 - ✓ Đại học khối kinh tế : 19 người
 - ✓ Đại học khối kỹ thuật : 09 người
 - ✓ Đại học ngoại ngữ : 01 người
 - ✓ Công nghệ thông tin : 01 người
 - **Cán bộ trung học,cao đẳng** : 77 người
 - Trong đó:
 - Cao đẳng : 06 người
 - Trung học dược : 69 người
 - Trung học khác: 02 người
 - **Công nhân kỹ thuật và sơ cấp dược** : 20 người
 - Trong đó:
 - Sơ cấp dược : 11 người
 - Công nhân KT Dược -TBYT : 03 người
 - Công nhân dược : 06 người

⇓ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định. Thu nhập bình quân năm 2020 là 7,8 triệu đ/ người/ tháng.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu và Thiết bị sản xuất với tổng giá trị Khoảng 6,5 tỷ .

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2020, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng giảm/ % |
|--|-------------------|-------------------|----------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset | 429 079 849 984 | 465 338 204 006 | 7,7 |
| Doanh thu thuần/Net revenue | 1 129 259 968 123 | 1 012 779 435 118 | -11 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities | 9 665 267 590 | 8 855 960 120 | -9 |
| Lợi nhuận khác/ Other profits | 135 755 650 | 9 3913 793 | -44 |
| Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax | 9 654 279 965 | 8 949 873 913 | -7 |
| Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax | 7 669 255 396 | 7 853 648 514 | 2 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio | | | |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2019/ Year 2019 | Năm 2020 | Ghi chú/Note |
|--|---------------------------|----------|--------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) | 1,1569 | 1,1528 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt | 0,69 | 1,92 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital | | | |

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2019/ Year 2019 | Năm 2020 | Ghi chú/Note |
|---|---------------------------|----------|--------------|
| structure Ratio | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) | 0,88 | 0,82 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio) | 7,24 | 4,64 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: | 6,83 | 4,67 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) | 6,66 | 4,67 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets) | 2,12 | 2,18 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability: | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) | 0,0084 | 0,0078 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio) | 0,15 | 0,0951 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio) | 0,0103 | 0,0088 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Đầu năm 2020 | 31/12/2020 | Ghi chú |
|----|--|---------|--------------|------------|---------|
| 1 | Tổng số cổ phần: | Cổ phần | 6.598.367 | 6.598.367 | |
| 2 | Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do | Cổ phần | 6.593.767 | 6.593.767 | |
| 3 | Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: | Cổ phần | 4.600 | 4.600 | |
| | Cổ phiếu quỹ | Cổ phần | 4.600 | 4.600 | |
| | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm | Cổ phần | 0 | 0 | |

6. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2019 | Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2020 | Ghi chú |
|----|----------------------------|---------|-----------------------------|-----------------------------|--|
| 1 | Cổ đông lớn ($\geq 5\%$) | % | 57,67 | 57,67 | Theo công bố của VSD tại ngày 31/12/2020 |
| 2 | Cổ đông nhỏ ($< 5\%$) | % | 42,33 | 42,33 | |
| 3 | Cổ đông tổ chức | % | 10,53% | 10,53% | |
| 4 | Cổ đông cá nhân | % | 89,47% | 89,47% | |
| 5 | Cổ đông trong nước | | 99,92 | 99,92 | |
| 6 | Cổ đông nước ngoài | | 0,08 | 0,08 | |
| 7 | Cổ đông Nhà nước | | 0% | 0% | |
| 8 | Cổ đông khác | | 57,67 | 57,67 | |

- a. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v: Không có!
- b. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:
- ✚ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu
 - ✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!
- c. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có!

7. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:



- Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :

- + NPL: : 246.300 kg
- + Dịch chiết+Rượu+cồn : 16.500 kg
- + Nang: : 20.154.000 cái

- Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :

- + PVC + Nhôm + màng co... : 63.200 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn.. : 31.762.000 cái

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: **1.171.000 KW/ năm**

- ✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 1.000.000 kw
- ✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 171.000 Kw

Tiêu thụ nước:

❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng nước đã sử dụng: **14.011 m³/Năm**

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 13.743 m³

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 268 m³

❖ Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✚ Số lao động trung bình trong năm 2019: 173 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2019: 7,8 triệu đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- ✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;
- ✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành
- ✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì
- ✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hi, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- ✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm
- ✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
 - Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng
 - Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất & Pha chế tại các xưởng .
 - Đào tạo tại các nội dung: GPs, đào tạo phần mềm quản lý mới cho nhân viên xuất-nhập, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Luật dược 2016 và Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; tập huấn An toàn hóa chất.... Cho gần 300 lượt người

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- ✚ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi
- ✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh
- ✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc.

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – KD năm 2020 :

1901
:ÔN
PHẢ
DIP
7.7H

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | TH năm 2019 | KH năm 2020 | TH năm 2020 | So sánh % | |
|----|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------|-------|
| | | | | | | 6=5/3 | 7=5/4 |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | |
| 1 | Doanh Thu SX | Tr. đồng | 110,250 | 117,453 | 84,975 | 77 | 72 |
| 2 | Tổng giá trị bán ra | Tỷ đ | 1,133 | 950 | 1,012 | 89 | 106 |

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| TT | Chỉ tiêu | Đ.V tính | Thực hiện Năm 209 | KH năm 2020 | TH 2020 | So sánh thực hiện/KH |
|----|-----------------------------|----------|-------------------|-------------|---------|----------------------|
| | | | | | | |
| | 1 | 2 | 5 | 3 | 4 | 6=5/4 |
| 1 | Doanh thu bán hàng | Tỷ đồng | 1.133 | 950 | 1.012 | 106% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | - | 9,654 | 10 | 8.949 | 89% |
| 3 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 1,985 | 2 | 1.096 | 55 |
| 4 | Chi phí thuế DN hoãn lại: | | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | - | 7,669 | 8,000 | 7.853 | 98% |

2) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông TN 2020; Đặc biệt đã đạt được một bước mục tiêu phấn đấu Tổng sản phẩm quy đổi hàng sản xuất tăng 125%; Năng suất lao động tăng 132% trong điều kiện vừa phòng chống dịch- vừa bảo đảm công tác sản xuất phục vụ kinh doanh và xuất khẩu thuốc
- Công tác Nghiên cứu sản phẩm mới và lập Hồ sơ đăng kí thuốc đã có bước cải thiện đáng kể
- Công tác duy trì hệ thống Quản lí chất lượng đã bảo đảm theo quy định và đã thực hiện xong đợt tái thanh tra GMP cho 3 nhà máy và GSP cho Kho bảo quản thuốc

- Tuy nhiên lợi nhuận năm 2020 mới đạt 97% so với kế hoạch năm là do các khó khăn khách quan như đã phân tích.

3) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Quản trị Nhân sự:
 - Đã thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Giám đốc các khối và Phụ trách quản lý các ĐV trực thuộc sau khi ĐHCĐTN bầu lại HĐQT- Ban Kiểm soát nhiệm kì 4 (2020-2025) theo nguyên tắc quy định của chứng khoán đối với công ty đại chúng (Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc) , giảm thiểu số lượng thành viên Ban TGD (Từ 4 người còn 1 người), trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt
 - Tăng cường nhân lực cho bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tuyển dụng & đào tạo tay nghề lao động trực tiếp SX tại DN
- ❖ Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới , nhóm sản phẩm theo dự án bao tiêu thống nhất chung cho hệ thống kinh doanh toàn công ty
- ❖ Đã bổ sung, sửa đổi và ban hành lại Quy chế Lương , Thỏa ước lao động , Nội quy lao động cho phù hợp các quy định hiện hành – đồng thời phù hợp với Mục tiêu – Định hướng phát triển- Chỉ tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện

4) Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

| Thời gian | Tổng tài sản | Tài sản ngắn hạn | Tài sản dài hạn |
|-------------|-----------------|------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 429,079,849,984 | 395,007,500,567 | 34,072,349,417 |
| Số cuối năm | 465,338,204,006 | 434,340,542,608 | 30,997,661,398 |

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2020) là 169,630,749,482 trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 106,110,829 chiếm 0.06 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 106,110,829

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn là 376,782,830,993 chiếm 98 % tổng nợ phải trả; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

| Thời gian | Nợ ngắn hạn | Phải trả người bán | Vay Ngân hàng |
|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 341,436,245,670 | 52,904,386,345 | 279,414,679,173 |
| Số cuối năm | 376,782,830,993 | 63,485,987,523 | 301,342,790,415 |

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

5) **Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Xây dựng kế hoạch 2021 Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua và Mục tiêu- định hướng phát triển& Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2021 sẽ biểu quyết tại ĐHCĐTN 2021

5.1/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- b) Tiếp tục mở rộng Hợp tác đối tác mới có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới- trong và ngoài nước ... nhằm mục tiêu thay đổi hoạt động Sản xuất- Kinh doanh toàn diện của Medipharco ..
- c) Quản trị Nhân sự:
- ❖ Bổ nhiệm các chức danh có biến động và đào tạo cán bộ chủ chốt của Doanh nghiệp tại các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT nhằm đáp ứng Mục tiêu phát triển của DN
 - ❖ Tiếp tục củng cố Nhân sự khối SX và nghiên cứu của DN theo hướng:
 - Tăng cường đào tạo kĩ năng thực hành, chuyên môn kĩ thuật cho cán bộ quản lí và nhân viên Bộ phận Nghiên cứu phát triển SP mới, nghiên cứu thị trường để thay đổi và bổ sung Danh mục sản phẩm được cấp số ĐK , tạo sức cạnh tranh của nhóm sản phẩm sản xuất tại DN
 - Tiếp tục Thay đổi , đào tạo chuyên môn để tiếp thu & làm chủ quy trình công nghệ cho nhân sự quản lí điều hành hệ thống Sản xuất nhằm tăng năng suất lao động - hợp lí hóa SX- giảm hao hụt – Hạ giá thành- bảo đảm và nâng cao chất lượng của sản phẩm sản xuất tại DN
 - Đào tạo và Đào tạo lại kiến thức chuyên môn kĩ thuật cho lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu và quy định hiện hành trong SX-KD
- d) Tiếp tục nghiên cứu chiến lược sản phẩm nhằm bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất đủ sức cạnh tranh trên thị trường
- e) Tiếp tục đầu tư hợp lí nguồn lực cho nghiên cứu sản phẩm mới theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền ; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm;
- f) Tiếp tục đầu tư , nâng cấp cơ sở- Thiết bị đáp ứng quản lí chất lượng theo GMP và nâng công suất sản xuất tối đa cho các dây chuyền sản xuất của nhóm sản phẩm xác định thuộc sản phẩm chiến lược

- g) Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- h) Triển khai, Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lí Base đối với công tác quản trị nội bộ : Lao động- Tiền lương- Quản lí Sản xuất- Quản lí Kinh doanh và Hạch toán tài chính kế toán

5.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ⚡ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- ⚡ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước truyền thống (Châu Phi; Đông nam Á) và thị trường mới (Uzebeckistan)...
- ⚡ Tiếp tục Nghiên cứu , tìm đối tác Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới

5.3/ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- ⚡ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ⚡ Nghiên cứu sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu nhóm sản phẩm sát khuẩn tay để tham gia công tác phòng chống dịch COVID-19
- ⚡ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

5.4/ Kế hoạch năm 2021:

| TT | CHỈ TIÊU | ĐV tính | TH 2020 | 2021 Trình ĐHCĐ | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------|---------|--------------------|---------|
| A- | TỔNG DOANH THU | Tỷ Đ | 1.012 | 950 | |
| I/ | Hàng Sản xuất: | | 85 | 185 | |
| II/ | Hàng Kinh doanh | | 927 | 765 | |
| B- | LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | Tỷ Đ | 8,949 | 14 | |
| C- | THUẾ TNDN HIỆN HÀNH | Tỷ Đ | 1,096 | 2,8 | |
| D- | LN SAU THUẾ: | Tỷ Đ | 7,853 | 11,2 | |
| E- | CỔ TỨC DƯ KIẾN (| % | 10% | 10% | |

| | | | | | |
|----|----------------------------|---------|-----|-------|--------------------|
| | | | | | |
| | VỐN ĐL # 66TỶ) | | | | |
| F- | LAO ĐỘNG | Người | 173 | ≥ 180 | Theo nhu cầu SX-KD |
| G- | Thu nhập trung bình /tháng | Triệu đ | 7,8 | 7,8 | Như năm 2020 |

5.5/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2021:

- a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH- Đào tạo:
- ❖ Cùng cố- Đào tạo toàn diện kỹ năng điều hành- chuyên môn kỹ thuật cho Nhân sự quản lí (HĐQT- TGD- GD- Trưởng bộ phận) đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
 - ❖ Bảo đảm cơ cấu hợp lí giữa lao động trực tiếp và gián tiếp, đáp ứng các mục tiêu trọng tâm 2021; Tuyển dụng lao động trực tiếp để bảo đảm phương án SX tăng ca
 - ❖ Thực hiện Quy chế Lương , Thương – Nội quy lao động- Thỏa ước lao động đã sửa đổi ban hành và đăng kí đóng BHXH theo quy định hiện hành;
- b) Tiếp tục Ổn định và nghiên cứu giảm Giá thành , Giá bán một số nhóm hàng sản xuất với các giải pháp đồng bộ:
- ❖ Phân đầu tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) sản xuất năm 2021 sẽ tăng trưởng nhằm đạt tối thiểu 25 SP/năm để làm cơ sở cải thiện được giá thành sản phẩm; Đồng thời có cơ chế xử lí Giá thành và các chi phí SX để đạt mục tiêu Giá nhóm sản phẩm MPC cạnh tranh được trên thị trường
 - ❖ Tiếp tục Khảo sát & Ban hành định mức Kinh tế kỹ thuật và lao động , bổ sung thêm một số thiết bị sản xuất đóng gói nhằm tăng năng lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành
- c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất theo hướng:
- ❖ Nắm bắt nhu cầu của thị trường và khả năng sản xuất của DN để lập kế hoạch sản xuất hợp lý bảo đảm cung cấp đủ hàng cho hệ thống kinh doanh và giảm thiểu tồn kho.
 - ❖ Chủ động xây dựng các chương trình khuyến mãi chung cho cả nước để tăng doanh số bán hàng.
 - ❖ Giao hệ thống kinh doanh trực thuộc bao tiêu hàng của công ty với các cam kết về sản phẩm- Sản lượng- Giá – Chế tài thực hiện để tạo điều kiện tăng sản lượng và hạ giá thành bảo đảm đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
 - ❖ Tiếp tục tuyển dụng , xây dựng và phát triển mạng lưới kinh doanh bán hàng;
 - ❖ Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống nhà thuốc, quầy thuốc trực thuộc theo hướng đầu tư bổ sung đạt chuẩn mực quốc gia , đồng thời hoạt động có hiệu quả

- ❖ Bộ phận kinh doanh thị trường phải tiếp tục phối hợp với bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Cty để nhanh chóng đăng ký thêm các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp
 - ❖ Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các Nhà Phân phối bao tiêu sản phẩm và mở rộng thị trường Xuất khẩu(bao gồm cả đăng ký sản phẩm- SX-Xuất khẩu)
- d) Nghiên cứu- Đề xuất phương án hợp tác Sản xuất- Phân phối với Cổ đông lớn Tổng công ty dược Việt nam CTCP
- e) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2021 :
- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu& lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ. Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
 - ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm;
 - ❖ Triển khai thực hiện giải pháp hữu hiệu để đẩy nhanh tốc độ Nghiên cứu sản phẩm mới (NCSPM) ; Xây dựng Hồ sơ Đăng ký thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
 - ❖ KH sản phẩm mới 2021 như sau:
 - Đăng ký Thuốc trong nước: 160 sản phẩm
 - Đăng ký thuốc nước ngoài(ĐK lại và ĐK mới): Đăng ký lại 05; Đăng ký mới: 03 (Myanmar)+ 20 (Uzebeckistan)
- f) Hệ thống quản lí chất lượng: Tiếp tục:
- ❖ Kiện toàn , đào tạo bổ sung cho hệ thống quản lí chất lượng theo các chuẩn mực GPs nhằm khắc phục tồn tại theo biên bản tái thanh tra 3 nhà máy sản xuất thuốc (tháng 1/2021) , bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh
 - ❖ Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy , Hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu cho Kiểm tra chất lượng & Nghiên cứu để đáp ứng quy định GMP, bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất , phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp
 - ❖ Nghiên cứu tổ chức sản xuất theo ca và tăng ca hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí điện năng , giảm hao hụt, tăng công suất lao động Để giảm Giá thành
 - ❖ Tăng cường công tác QLCL, GPs, Dược chính , Online nội mạng tại Khối kinh doanh trên địa bàn tỉnh TT Huế

5.6/ Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lí công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, 2021 theo quy định
- ❖ Kí kết lại hợp đồng tín dụng 2021 tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng; Có phương án giải pháp nâng hạn mức tín dụng hoặc

bổ sung thêm Ngân hàng giao dịch(theo nguyên tắc tín chấp) nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và hợp tác năm 2021

- ❖ Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2021 để bảo đảm cô tức và tái đầu tư phát triển
- ❖ Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lí kinh tế tài chính- Hàng hóa
- ❖ Thực hiện báo cáo phân tích quản trị nội bộ theo quy định hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm

5.7/ Đầu tư phát triển:

- ❖ Sử dụng có hiệu quả TSCĐ đã được đầu tư 2020 để nâng cấp chất lượng sản phẩm; Công suất thiết bị dây chuyền; Tăng năng suất lao động góp phần hạ Chi phí và giá thành sản phẩm SX
- ❖ Tiếp tục Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy, hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu đáp ứng Quản lí chất lượng theo chuẩn GMP và bảo đảm Kiểm tra chất lượng & Nghiên cứu Dự kiến trình ĐHCĐTN phê duyệt Tổng dự toán đầu tư năm 2021 là 12 tỷ ĐVN
- ❖ Nghiên cứu PA hợp tác đầu tư khai thác sử dụng Nhà máy số 1 tại Khu CN Phú Bài theo hướng:
 - ⚡ Duy trì , nghiên cứu phát triển dòng Rượu HĐMM cao cấp
 - ⚡ Tìm đối tác và PA mở rộng nghiên cứu- Công bố thêm nhóm SP mới là hóa mỹ phẩm

5.8/ Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:

- ❖ HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHĐ tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.

5.9/ Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐTN 2021

6) Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có!

7) Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải:** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng& đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

3301
CỔ
ĐPK
EDI
7.7

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong bối cảnh rất khó khăn nhưng doanh nghiệp đã phân đầu lỗ lực để thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông TN 2020; Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu đạt 107%/KH. Đặc biệt đã đạt được mục tiêu phân đầu Tổng sản phẩm quy đổi hàng sản xuất năm 2020 tăng 125% so với TH 2019; Năng suất lao động tăng vượt bậc đạt 132%
- Tuy nhiên lợi nhuận năm 2020 mới đạt 97% so với kế hoạch năm là do các khó khăn khách quan như đã phân tích.
- Bảo đảm tối đa các hoạt động SX-KD trong điều kiện vừa phải phòng chống dịch bệnh COV-19 bùng phát tới 3 đợt trong năm 2020; Bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của người lao động
- Đã thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực từ cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT
- Bước đầu thực hiện có hiệu quả về mục tiêu tập trung Nghiên cứu sản phẩm mới chiến lược sản phẩm nhóm hàng sản xuất tại DN
- Cùng cố duy trì hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn mực GPs và ISO
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- ✚ Tổng giám đốc (TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- ✚ Đã kiến nghị với HĐQT xây dựng cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty; Tham gia xây dựng & sửa đổi & Bổ sung đề ban hành Quy chế Lương, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động.
- ✚ Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2020 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN.
- ✚ Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

- a) **Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty** : Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua.
- b) **Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:**
- ✚ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
 - ✚ Nghiên cứu sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu nhóm sản phẩm sát khuẩn tay để tham gia công tác phòng chống dịch COVIT-19
 - ✚ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường
- c) **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2021:**
- ✚ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
 - ✚ Tiếp tục Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
 - ✚ Bổ sung sửa đổi& Kiện toàn lại Điều lệ Tổ chức hoạt động, Quy chế Quản trị nội bộ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp hiện hành (2020) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Thông tư số 116/2020/TT-BTC) thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
 - ✚ Đánh giá kết quả đầu tư năm 2020 ; Tiếp tục Xem xét chủ trương đầu tư nâng cấp Cơ sở Nhà xưởng- Hệ thống phụ trợ- Máy móc thiết bị nhằm đáp ứng công tác quản lí chất lượng theo chuẩn mực GPs, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tại DN để trình ĐHCĐTN phê duyệt

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

- a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác):
- ✚ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2020: Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác |
|-----|----------------------------|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Bà: Phan Thị Minh Tâm | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 1,29 | Không |
| 2 | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc | 8,39 | Không |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Hoàng | Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp) | 15,17 | Không |

⚡ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020/
- Cụ thể:

| TT | Nội dung | TV HĐQT đặc trách | TV HĐQT phối hợp chính |
|-----|---|-----------------------|---|
| 1 | Điều hành toàn bộ hoạt động HĐQT | CTHĐQT | Các TV |
| 2 | *Xây dựng Quy chế quản trị nội bộ ; *Xây dựng Mục tiêu , Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn | CTHĐQT | Hoàng Ngọc Hoài Phong Nguyễn Văn Hoàng |
| 3 | * Đề xuất Cơ cấu & Sơ đồ Tổ chức ; Bộ máy quản lý điều hành của công ty | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Nguyễn Văn Hoàng |
| 4 | *Xây dựng kế hoạch- Hoạt động Báo cáo Quyết toán- Kiểm toán Tài chính; * Quản lý Vốn | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Nguyễn Văn Hoàng |
| 5 | *Điều hành hoạt động Sản xuất * Điều hành hoạt động Kinh doanh * Phát triển thị trường * Phát triển sản phẩm | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Nguyễn Văn Hoàng |
| 6 | *Hoạt động Quản lý Hệ thống chất lượng Sản xuất- Kinh doanh *Xuất Nhập khẩu *Đào tạo | Chủ tịch HĐQT | TV HĐQT |
| 7 | *Đầu tư phát triển * Hợp tác đối tác Chiến lược | Chủ tịch HĐQT | Hoàng Ngọc Hoài Phong |
| 8 | Hoạt động Tư pháp | | |
| 8a/ | * Chứng khoán: | Chủ tịch HĐQT | Nguyễn Văn Hoàng |
| 8b/ | * Về lao động & BHXH | Chủ tịch HĐQT | Hoàng Ngọc Hoài Phong |
| 8c/ | *Luật Dược_ NĐ-TT –Quy địnhhướng dẫn luật dược * Liên quan GPs_ATVSTP_ISO | Chủ tịch HĐQT | Hoàng Ngọc Hoài Phong |

| TT | Nội dung | TV HĐQT đặc trách | TV HĐQT phối hợp chính |
|-----|---|-----------------------|------------------------|
| | * Liên quan GPs ATVSTP_ISO | | |
| 8d/ | * Về SX-KD chung | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Nguyễn Văn Hoàng |
| 8e/ | *Về Tài chính- Kế toán- Kiểm toán- Thuế- Ngân hàng | Hoàng Ngọc Hoài Phong | Hoàng Ngọc Hoài Phong |
| 9 | Quản lý cổ đông ; Giao dịch- Báo cáo- Công bố thông tin Chứng khoán | Chủ tịch HĐQT | Bộ phận QLCĐ (...) |
| 10 | Các nội dung khác thuộc quyền&nghĩa vụ của HĐQT: Theo Điều lệ công ty | Chủ tịch HĐQT | TV HĐQT |

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

➤ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.

Cụ thể: **2020: Đã Ban hành Nghị quyết về:**

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------|--|-----------------|
| | Số 01/2020/NQ/HĐQT-NK4 | 12/5/2020 | Bầu Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc | 100% |
| | Số 02/2020/NQ/HĐQT-NK4 | 12/5/2020 | 1/ HĐQT thống nhất Phân công các thành viên HĐQT đặc trách theo dõi các hoạt động điều hành chính của HĐQT - nhiệm kì 4 (2020-2025) 2/ HĐQT thống nhất bộ máy tổ chức điều hành hoạt động công ty và bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý của công ty nhiệm kì 4 (Từ 1/5/2020 đến 1/5/2025) 3/ HĐQT thống nhất Phân công nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty giữa CTHĐQT và Tổng giám đốc 4/ Thống nhất Thông báo sửa đổi Giấy đăng kí kinh doanh liên quan thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT-TGD và người đại diện pháp luật của doanh nghiệp NK4 đã được bầu và bổ nhiệm 5/ Thống nhất bộ máy tổ chức điều hành hoạt động công ty : *Thống nhất Sơ đồ tổ chức. *Thống nhất Bộ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý của công ty nhiệm kì 4 | 100% |
| | Số: 03/2020/NQ-HĐQT | 12/5/20 | Thống nhất v/v Tổng giám đốc ủy quyền một số công tác quản lý | 100% |
| | Số: 04/2020/NQ-HĐQT | 18/5/20 | Nghị quyết v/v hạn mức vay và ủy quyền cho CTHĐQT kiêm TGD được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng Quân đội | 100% |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| | Số: 05/2020/NQ- HĐQT | 1/6/2020 | Nghị quyết v/v huy động vốn góp của người lao động trong doanh nghiệp | 100% |
| | Số: 06/2020/NQ- HĐQT | 18/6/20 | Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGDĐ được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng VCB | 100% |
| | Số: 07/2020/NQ- HĐQT | 28/7/2020 | 1/ HĐQT thống nhất triển khai các phương án, giải pháp chi tiết để hiện Mục tiêu & Chiến lược phát triển & KH năm 2020 đã được ĐHCĐTN 2020 biểu quyết thông qua 2/ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung Thiết bị- Linh kiện phục vụ Sản xuất- Nghiên cứu- Kiểm tra chất lượng và chuẩn bị tái thanh tra GMP-GSP vào đầu năm 2021: | 100% |
| | Số: 08/2020/NQ- HĐQT | 14/7/20 | Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGDĐ được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng Bidivi | 100% |
| | Số: 09/2020/NQ- HĐQT | 28/7/20 | 1/ Thống nhất chuyên đổi công năng sản xuất của Xưởng Thực phẩm chức năng từ Sản xuất Thực phẩm chức năng xang Sản xuất Mỹ phẩm và Rượu 2/ Thống nhất thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí địa điểm kinh doanh về tên gọi từ “ Xưởng Thực phẩm chức năng “ thành “Nhà máy sản xuất số 1” | 100% |
| | Số: 10/2020/NQ- HĐQT | 31/8/2020 | Phê duyệt ban hành Quy chế Lương thực hiện từ 1/9/2020 | 100% |
| | Số: 11/2020/NQ- HĐQT | 10/9/20 | Phê duyệt chủ trương Đầu tư Tài sản cố định đầu tư cho công tác Nghiên cứu- quản lí chất lượng | 100% |
| | Số: 12/2020/NQ- HĐQT | | 1/ Thông qua phương án Thực hiện công chứng, ký hồ sơ thế chấp tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ 33 địa chỉ số 33 đường 16 Cư xá Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc GCN số 797722720/800117 do UBND TP HCM cấp ngày 19/11/2008 thuộc sở hữu Công ty CP Dược Medipharco tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Sài Gòn 2/ Ủy quyền ông Hoàng Ngọc Hoài Phong - Chức vụ: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành | 100% |
| | Số: 13/2020/NQ- HĐQT | 12/10/2020 | Phê duyệt Danh mục & Cấu hình kĩ thuật & Dự toán đầu tư thiết bị cho công tác nghiên cứu – quản lí chất lượng phục vụ cho xưởng sản xuất Thuốc Kem – Mỡ - Nước, xưởng Viên Cốm Bột Non Betalactam, xưởng Cephalosporin...; vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát | 100% |



| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| | | | triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân | |
| | Số: 14/2020/NQ- HĐQT | 16/10/20 | Thông nhất Phê duyệt Đầu tư TSCĐ là Thiết bị Sản xuất - Nghiên cứu – Khắc phục GMP Đợt 2 | 100% |
| | Số: 15/2020/NQ- HĐQT | 18/11/20 | Thông nhất thông qua định hướng chiến lược- chi tiêu kế hoạch tổng thể dự kiến năm 2021 | 100% |
| | Số: 16/2020/NQ- HĐQT | 4/12/20 | Phê duyệt bổ nhiệm cán bộ quản lý Phụ trách phòng QC | 100% |
| | Số: 17/2020/NQ- HĐQT | 12/12/20 | HĐQT thông nhất Chuyên nhượng Tài sản cố định là xe ô tô bán tải Hyundai starex mua năm 2017 do không còn nhu cầu sử dụng | 100% |
| | Số: 18/2020/NQ- HĐQT | 23/12/2020 | Thông nhất phê duyệt Chi tiêu kế hoạch chi tiết năm 2021: Nội dung chi tiết đính kèm bao gồm: 1) KH dự trù hàng sản xuất 2021 2) KH Giá thành 2021 3) KH Khấu hao 2021 4) KH Lương & BHXH 2021 5) KH khoán Doanh số 2021 6) KH chi phí bán hàng 2021 7) KH Vốn 2021 8) KH Kinh doanh- Tài chính (QTNB) 2021 9) KH nghiên cứu sản phẩm mới 2021 10) KH Quản lý chất lượng 2021 11) KH Đầu tư phát triển năm 2021 | 100% |

- ✦ HĐQT đã Tăng cường các Các biện pháp quản lý, kiểm soát của HĐQT đối với hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc , công tác quản lý Tài chính, Quản lý Vốn:
- ❖ Yêu cầu Tổng giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện quy định về báo cáo quản trị nội bộ theo kết quả SX-KD hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm đủ nội dung, đúng tiến độ cho HĐQT
- ❖ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính:
 - Đã giám sát công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
 - Đã ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
 - Giám sát và công bố thông tin v/v kí hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2019-2020 đúng quy định
- ❖ Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:

010
 030
 HÃN
 JIPH
 7THU

- Vốn điều lệ công ty so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
- Giám sát công tác quản lí thu hồi công nợ thông qua các báo cáo định kì hàng tháng/quý , việc thực hiện các chế tài thương/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát
- Phê duyệt chủ trương và Giám sát việc triển khai làm các hồ sơ về quyền quản lí- sử dụng Đất- Tài sản trên đất để bổ sung các thủ tục thế chấp nhằm tăng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng , đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động của DN

⚡ Thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2019 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua đúng quy định
 - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu kí chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty (của VCCI tổ chức): Phan Thị Minh Tâm

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 31/12/2020:

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|---------------------------|---------------|--------------------------|--|
| 1 | Bà Trần Thị Vân Anh | Trưởng Ban KS | Cử nhân kinh tế- Kế toán | 1.059% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Phương Trâm | TV | Cử nhân kinh tế- Kế toán | 10,17% |
| 3 | Bà Trương Thị Hạnh Phước | TV | Dược sỹ đại học | 0% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

408
TV
DUC
ARC
ATHI

- ✚ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- ✚ Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- ✚ Được mời tham dự các cuộc họp HĐQT mở rộng
- ✚ Cuộc họp của BKS:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Bà Trần Thị Vân Anh | 02 | 100% | 100% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Phương Trâm | 02 | 100% | 100% |
| 3 | Bà Trương Thị Hạnh Phước | 02 | 100% | 100% |

- ✚ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

b) Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

| STT | Thành viên HĐQT, BKS | Chức danh | ĐVT: đồng VN | |
|-----|----------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---|
| | | | Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN) | Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN) |
| 1 | Bà Phan Thị Minh Tâm | Chủ tịch HĐQT | 96,000,000 | |
| 2 | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc | 43,000,000 | |
| 5 | Nguyễn Văn Hoàng | Thành viên HĐQT | 48,000,000 | |
| 6 | Bà Trần Thị Vân Anh | Trưởng BKS | 21,000,000 | |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Phương Trâm | Thành viên BKS | 11,200,000 | |
| 8 | Bà Trương Thị Hạnh Phước | Thành viên BKS | 11,200,000 | |



| STT | Thành viên HĐQT, BKS | Chức danh | Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN) | Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN) |
|-----|----------------------|-----------|--|---|
| | Cộng | | | |

- ✚ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2020: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 471.000.000 đ, đã bao gồm lợi ích khác.
- ✚ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

| STT | HỌ VÀ TÊN | Chức vụ | Đầu năm 2020 | | Cuối năm 31/12/2020 | |
|-----|----------------------------|---------------------------------|--------------|---------|---------------------|---------|
| | | | Số CP | Tỷ lệ % | Số CP | Tỷ lệ % |
| 1 | Bà: Phan Thị Minh Tâm | Chủ tịch | 85.403 | 1,29 | 85.403 | 1,29 |
| 2 | Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc | 553.334 | 8,39 | 553.334 | 8,39 |
| 3 | Nguyễn Văn Hoàng | Thành viên | 1.001.059 | 15,17 | 1.001.059 | 15,17 |

c) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Đến thời điểm 31/12/2020: Không có!

d) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- ✚ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:
 - Của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát: Không có!
 - Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát : Không có!
- ✚ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có!

e) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

- ✚ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung :
 - Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;



| CHỈ TIÊU | | Mã số | Năm 2019 | Năm 2020 |
|----------|--|-------|-------------------|-----------------|
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 1 061 630 967 397 | 952 338 661 046 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11) | 20 | 67 629 000 726 | 60 440 774 072 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 2 011 970 698 | 1 705 822 627 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | 22 501 159 277 | 22 521 824 716 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 22 408 259 301 | 22 346 861 644 |
| 8. | Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | |
| 9. | Chi phí bán hàng | 25 | 25 120 060 049 | 21 070 754 463 |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 12 354 484 509 | 9 698 057 400 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24} | 30 | 9 665 267 590 | 8 855 960 120 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | 135 755 650 | 121 389 693 |
| 13. | Chi phí khác | 32 | 146 746 275 | 27 475 900 |
| 14. | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | -10 987 625 | 93 913 793 |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 9 654 279 965 | 8 949 873 913 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1 985 024 569 | 1 096 225 399 |
| 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) | 60 | 7 669 255 396 | 7 853 648 514 |

b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2020):

| TT | TÀI SẢN | Mã số | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|-----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 395 007 500 567 | 434 340 542 608 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 7 373 139 587 | 6 961 465 709 |
| 1. | Tiền | 111 | 7 373 139 587 | 6 961 465 709 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 26 646 670 000 | 20 000 000 000 |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | |

| | | | | |
|-------------|--|------------|------------------------|------------------------|
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 26 646 670 000 | 20 000 000 000 |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 227 854 860 853 | 169 630 749 482 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 225 290 480 095 | 169 630 749 482 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 1 373 246 525 | 2 120 198 660 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1 297 245 062 | 926 216 954 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (106 110 829) | (106 110 829) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | 126 550 836 388 | 226 327 507 532 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | 126 550 836 388 | 226 327 507 532 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (214 718 255) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 6 581 993 739 | 11 420 819 885 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 295 462 463 | 754 461 215 |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 6 268 124 776 | 10 666 358 670 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18 406 500 | |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | |
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 34 072 349 417 | 30 997 661 398 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | | |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | |
| II. | Tài sản cố định | 220 | 33 882 482 685 | 30 313 041 594 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 33 882 482 685 | 30 313 041 594 |
| | - Nguyên giá | 222 | 81 970 133 742 | 83 606 548 844 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (48 087 651 057) | (53,293,507,250) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | |
| | - Nguyên giá | 225 | | |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | | |

98-
TY
ĐƯỢC
RC
THIẾ

| | | | | |
|-------------|--|--------------|------------------------|------------------------|
| | - Nguyên giá | 228 | | |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | |
| | - Nguyên giá | 231 | | |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | |
| 1. | Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn | 241 | | |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | |
| V. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | |
| 4. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | 189 866 732 | 684 619 804 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 429 079 849 984 | 465 338 204 006 |
| | | | | |
| | NGUỒN VỐN | Mã số | | |
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 347 436 245 670 | 382 782 830 993 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | 341 436 245 670 | 376 782 830 993 |
| 1. | Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | 52 904 386 345 | 63 485 987 523 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 2 488 608 441 | 5 585 103 094 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 1 323 623 527 | 590 398 290 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | 826 261 246 | 2 538 204 369 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 1 427 875 050 | 1 303 666 571 |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | |
| 7. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 857 470 042 | 572 607 071 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 1 630 287 985 | 634 487 985 |
| 0. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 279 414 679 173 | 301 342 790 415 |
| 1. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | |
| 2. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 563 053 861 | 729 585 675 |
| 3. | Quỹ bình ổn giá | 323 | | |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | 6 000 000 000 | 6 000 000 000 |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 331 | | |

| | | | | |
|------------|---|------------|------------------------|------------------------|
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | |
| 3. | Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | |
| 4. | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | |
| 7. | Phải trả dài hạn khác | 337 | | |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 6 000 000 000 | 6 000 000 000 |
| 9. | Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | |
| 10. | Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | |
| 11. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | |
| 12. | Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 81 643 604 314 | 82 555 373 013 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | 81 643 604 314 | 82 555 373 013 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 65 983 670 000 | 65 983 670 000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 65 983 670 000 | 65 983 670 000 |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 4 000 000 | 4 000 000 |
| 3. | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | |
| 4. | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 1 477 728 123 | 1 477 728 123 |
| 5. | Cổ phiếu quỹ | 415 | (92 000 000) | (92 000 000) |
| 6. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | |
| 7. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 1 472 534 336 | 1 816 447 149 |
| 9. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | |
| 0. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 4 703 793 790 | 5 087 256 559 |
| 1. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 8 093 878 065 | 8 278 271 182 |
| | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | 424 596 669 | 424 622 668 |
| | LNST chưa phân phối năm nay | 421b | 7 669 281 396 | 7 853 648 514 |
| 2. | Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | |
| II. | Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | |
| 1. | Nguồn kinh phí | 431 | | |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 429 079 849 984 | 465 338 204 006 |

Huế, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT**Nơi gửi**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

**ĐS. Phan Thị Minh Tâm**